

NGHIÊN CỨU THÍCH NGHI BỘ CÔNG CỤ ASQ-3 NHẪM SÀNG LỌC PHÁT HIỆN SỚM NGUY CƠ CHẬM PHÁT TRIỂN Ở TRẺ 6-36 THÁNG TUỔI

PGS.TS. LÊ THỊ MINH HÀ*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 15/05/2016; ngày duyệt đăng: 17/05/2016.

Abstract: The Ages and Stages Questionnaires (ASQ-3™) are system of questions for parents or caregivers to screen for disabilities and monitor all developmental areas of a child from 1 month to 60 months old. These data help to identify risk factors of developmental delay. Ages and stages questionnaires help to screen and monitor in five areas including communication, gross motor, fine motor, problem solving and individual-society

Keywords: Standardization ASQ-3™, Ages and stages questionnaires, developmental screening tools.

1. Nghiên cứu thích nghi (cải biên) và chuẩn hóa (định chuẩn) bộ công cụ tâm lí đang ngày càng trở nên phổ biến. Việc thích nghi một bộ công cụ tâm lí từ nền văn hoá và ngôn ngữ này sang nền văn hoá và ngôn ngữ khác mang lại nhiều lợi ích như tiết kiệm chi phí hơn so với việc thiết kế một bảng hỏi hoàn toàn mới. Thích nghi bộ công cụ là một quy trình hoàn thiện chứ không nên chỉ hiểu là quá trình chuyển ngữ, quá trình này bao gồm nhiều hoạt động từ việc xem xét liệu bảng hỏi có cùng một cấu trúc trong nền văn hoá và ngôn ngữ khác hay không, lựa chọn dịch thuật viên, đưa ra những điều chỉnh thích hợp giúp cho bảng hỏi hoạt động hiệu quả với ngôn ngữ mới, thích nghi và kiểm tra sự hoạt động của mẫu thiết kế bảng hỏi...

Hiện nay, *bảng câu hỏi ASQ-3* do các chuyên gia Hoa Kỳ xây dựng đang được nghiên cứu, sử dụng rộng rãi như một công cụ sàng lọc, phát hiện, đánh giá và can thiệp sự phát triển của trẻ em ở khắp nước Mỹ và nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Đông nam Á, Úc, châu Phi, Ấn Độ, châu Âu, Trung và Nam Mỹ. Ngoài ra, ASQ đã được dịch ra nhiều thứ tiếng như Hàn Quốc, Pháp, Na Uy, Somali và Trung Quốc. Sử dụng bảng hỏi đánh giá này trẻ không chỉ được quan sát một lần mà còn được chăm sóc trong thời gian dài. Bởi vì, hệ thống ASQ-3 dựa vào sự phát triển tự nhiên của trẻ tại một thời điểm từ lúc phát hiện ra *vấn đề* của trẻ hoặc kéo dài trong suốt thời gian trẻ được chăm sóc và can thiệp sớm. ASQ-3 là hệ thống câu hỏi dành cho cha mẹ/người chăm sóc trẻ hoàn thiện nhằm sàng lọc và theo dõi sự phát triển của trẻ từ 1 tháng tuổi đến 6 tuổi theo 5 lĩnh vực phát triển (giao tiếp, vận động thô, vận động tinh, giải quyết vấn đề và cá nhân - Xã hội), trên cơ sở đó phát hiện sớm các nguy cơ chậm phát triển ở trẻ. ASQ-3 có thể đánh giá những trẻ có rủi

ro vì khiếm khuyết hoặc chậm phát triển do hệ quả từ yếu tố (sinh nhẹ cân, sinh non, sinh hút, bệnh nặng, nghèo đói, cha mẹ sa sút trí tuệ, cha mẹ có tiền sử bị lạm dụng, bị bỏ rơi hoặc cha mẹ vị thành niên). ASQ-3 không chỉ là công cụ sàng lọc, phát hiện và đánh giá trẻ có nguy cơ trong phát triển, mà còn có hệ thống bài tập hỗ trợ trẻ hình thành và phát triển những mặt còn hạn chế so với độ tuổi và giai đoạn phát triển (chẩn đoán và hình thành). Trong lĩnh vực *Giáo dục đặc biệt*, hầu như tất cả các nhà khoa học, các giáo viên, chuyên gia và cả phụ huynh đều tin tưởng rằng phát hiện sớm *vấn đề* trong phát triển của trẻ là cốt yếu để can thiệp kịp thời và hiệu quả. Thực tế hiện nay, phụ huynh và giáo viên có nhu cầu rất lớn xung quanh việc chẩn đoán, đánh giá và can thiệp sớm trẻ có nguy cơ hoặc bị khuyết tật.

Từ những lí do trên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu "*Thích nghi bộ công cụ ASQ-3 từ 6-36 tháng*" nhằm sớm đưa bảng hỏi này vào sử dụng tại Việt Nam, góp phần giúp phụ huynh/người chăm sóc trẻ, giáo viên và các nhà chuyên môn có thêm bảng hỏi hữu hiệu trong việc sàng lọc, phát hiện và can thiệp sớm trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

2. Quy trình và kết quả nghiên cứu thích nghi bảng hỏi ASQ-3 từ 6-36 tháng tuổi tại TP. Hồ Chí Minh

Theo "Bản Hướng dẫn dịch thuật và Thích nghi bảng hỏi" của Ủy ban Bảng hỏi Quốc tế (International Test Commission - ITC) [1; tr 421-429], chúng tôi thực hiện phương pháp và quy trình thích nghi bảng hỏi ASQ gồm các bước sau đây:

Bước 1: Thành lập hội đồng cải biên và định chuẩn. Hội đồng cải biên gồm những người bản xứ cũng như

* Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

người Việt Nam hiểu về tâm trắc, tâm lí học, giáo dục học, thống kê nhằm mục đích: + Định hướng quá trình cải biên và định chuẩn: thông qua bản chuyển ngữ, đề xuất các thay đổi, thông qua các thay đổi; + Thiết kế và giám sát quy trình thu thập số liệu; + Hỗ trợ về mặt hành chính, thủ tục cho công tác thu thập số liệu; Tư vấn phân tích số liệu.

Bước 2: Chuyển ngữ (dịch thuật)

- *Dịch xuôi*: Bộ công cụ ASQ-3 do một Việt kiều Mỹ dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

- *Dịch ngược*: Hai học viên cao học của chương trình Can thiệp sớm của Đại học Oregon Hoa Kỳ dịch ASQ từ tiếng Việt sang tiếng Anh; - So sánh bản dịch ngược với bản gốc tiếng Anh: Elizabet Twomly, một trong những tác giả của ASQ-3 đã so sánh bản dịch ngược và bản gốc tiếng Anh để xem xét những sai sót; Hai chuyên gia ngôn ngữ tiếng Việt tham gia điều chỉnh bản dịch xuôi.

Bước 3: Nghiên cứu thử nghiệm (lấy ý kiến người dân) bằng bản dịch ban đầu (phiên bản 1). Chúng tôi sử dụng bản dịch phiên bản 1 để thử đánh giá trẻ và đề nghị phụ huynh, giáo viên và các chuyên gia nhận xét về các câu hỏi khó hiểu hoặc câu hỏi không phù hợp.

Bước 4: Cải biên (điều chỉnh bảng hỏi). Sau khi thu thập ý kiến người sử dụng ASQ-3 trong bước 3, hội đồng thích nghi cùng với nhóm nghiên cứu phân tích sự phù hợp văn hóa của các item (có thể là một câu, một mục hoặc một bài tập trong bảng hỏi) đã được dịch và thử nghiệm tiến hành đưa ra các đề xuất ban đầu và *phiên bản 2* ra đời.

Bước 5: Nghiên cứu “thí điểm” (Pilot) - thử nghiệm trên diện hẹp. Nghiên cứu thí điểm được thực hiện trên 420 trẻ 6-36 tháng (mỗi độ tuổi 30 trẻ) theo 5 lĩnh vực phát triển: Giao tiếp, vận động thô, vận động tinh, giải quyết vấn đề và cá nhân - xã hội do cha mẹ/người chăm sóc trẻ. Nghiên cứu được thực hiện tại một số trường mầm non và Bệnh viện Nhi đồng 2 TP. Hồ Chí Minh.

Mục tiêu của nghiên cứu thí điểm: Một mặt, xem phụ huynh có hiểu đúng hay không bảng hỏi sau cải biên và tiếp tục chỉnh sửa câu chữ, những item có vấn đề đều được thảo luận trong Hội đồng cải biên để thay đổi phù hợp và *phiên bản 3* được ra đời. Mặt khác, dùng các thông số thống kê như điểm trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (SD), hệ số tương quan (Correlations), hệ số tin cậy bên trong Cronbach's Alpha và hệ số giá trị (độ hiệu lực) KMO để phân tích số liệu thu được. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn được dùng để xem xét từng item có xu hướng trả lời

quá thiên về một cực nào đó không và có sự đa dạng trong câu trả lời không hay tất cả mọi người đều có xu hướng trả lời giống nhau. Hệ số Cronbach's Alpha xem xét hệ số tin cậy của từng thang đo, tiểu thang đo và từng item trong tiểu thang đo đó. Hệ số giá trị (độ hiệu lực) KMO để xem xét cỡ mẫu có phù hợp hay không. Thông thường, độ tin cậy ổn định bên trong của các thang đo sẽ được chấp nhận nếu hệ số Cronbach's Alpha ≥ 0.6 , với những lĩnh vực mà hệ số Cronbach's Alpha < 0.6 cần kiểm tra xem xóa item nào để cho Cronbach's Alpha trở nên lớn hơn 0.6. Thống kê KMO đo sự phù hợp của mẫu dao động từ 0 đến 1, trong đó 1 chỉ sự rất phù hợp, còn 0 chỉ sự không phù hợp chút nào. Như vậy, hệ số KMO có thể chấp nhận được trong khoảng $1 > KMO > 0.5$. Nếu hệ số KMO dưới 0.5 cần phải xem xét lại mẫu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu thí điểm được trình bày trong bảng sau:

Bảng. Hệ số tin cậy ổn định bên trong Cronbach's Alpha cho các lĩnh vực theo nhóm tuổi

	Giao tiếp		Vận động thô		Vận động tinh		Giải quyết vấn đề		Cá nhân - Xã hội	
	Alpha	KMO	Alpha	KMO	Alpha	KMO	Alpha	KMO	Alpha	KMO
6 tháng	.614	.587	.613	.626	.795	.722	.680	.566	.591	.520
8 tháng	.655	.480	.639	.639	.861	.656	.484	.496	.702	.643
10 tháng	.759	.704	.757	.708	.864	.753	.721	.682	.809	.749
12 tháng	.761	.629	.716	.679	.809	.740	.643	.583	.667	.501
14 tháng	.742	.649	.930	.740	.846	.694	.838	.705	.789	.460
16 tháng	.625	.403	.789	.730	.722	.689	.608	.491	.522	.495
18 tháng	.818	.721	.579	.472	.835	.558	.700	.635	.872	.778
20 tháng	.663	.592	.578	.445	.763	.671	.642	.595	.607	.434
22 tháng	.808	.678	.675	.391	.679	.518	.635	.510	.458	.518
24 tháng	.662	.578	.696	.598	.709	.697	.700	.591	.413	.499
27 tháng	.752	.659	.699	.518	.613	.527	.743	.641	.445	.551
30 tháng	.844	.808	.908	.668	521	.436	.671	.570	.603	.652
33 tháng	.866	.688	.752	.721	.740	.723	.695	.648	.651	.656
36 tháng	.853	.798	.750	.408	.762	.624	.632	.462	.696	.676

Kết quả bảng trên cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha ở hầu hết các lĩnh vực phát triển theo tất cả các độ tuổi đều lớn hơn 0.60, như vậy độ tin cậy của từng thang đo, tiểu thang đo và từng item trong các tiểu thang đo đó là ổn định. Trong đó, hệ số Alpha của lĩnh vực phát triển giao tiếp ở các độ tuổi 18, 22, 30, 33, 36 tháng, lĩnh vực vận động tinh ở 8, 10, 12, 14 tháng và giải quyết vấn đề ở 14 tháng khá cao (trên .80); Alpha của lĩnh vực phát triển vận động thô ở các độ tuổi 14, 30 tháng rất cao (trên .90). Tuy nhiên, hệ số Alpha thấp hơn .60 ở 18, 20 tháng (vận động thô), 30 tháng (vận động tinh) và 6, 16, 22, 24, 27 tháng (cá nhân - xã hội), điều này cho thấy độ tin cậy của từng thang đo, tiểu thang đo và từng item

trong tiêu thang đo đó chưa ổn định, cần phải xem xét lại từng item ở các độ tuổi theo các lĩnh vực trên.

Bảng trên cũng cho thấy kết quả thống kê trên hệ số KMO, theo đó cần xem xét lại mẫu nghiên cứu các độ tuổi 8, 16 tháng (giao tiếp), 18, 20, 22, 36 tháng (vận động thô), 14, 16, 20, 24 tháng (cá nhân - xã hội) có hệ số KMO dưới 0.5.

Điểm trung bình các item trong nghiên cứu bảng hỏi ASQ-3 từ 6-36 tháng cho thấy độ khó của một số câu hỏi ở các lĩnh vực phát triển theo các độ tuổi không tuân theo quy tắc của bảng hỏi gốc. Chẳng hạn, độ khó của các câu hỏi ở tất cả các lĩnh vực phát triển theo các độ tuổi của bảng hỏi gốc được sắp xếp theo mức độ khó dần (độ khó tăng dần từ câu 1-6). Trong nghiên cứu của chúng tôi, trật tự trên đã có sự thay đổi ở một số lĩnh vực trong các độ tuổi khác nhau như: 8, 12, 24 tháng (giao tiếp); 24, 30 tháng (vận động thô); 14, 16, 18, 30, 36 tháng (vận động tinh); 16, 20, 22, 24, 33, 36 tháng (giải quyết vấn đề) và 12, 14, 16, 18, 22, 30, 36 tháng (cá nhân - xã hội). Điều này cho thấy nhiều item là dễ đối với trẻ em Hoa Kỳ nhưng lại là khó với trẻ em Việt Nam và ngược lại.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu này, chúng tôi thực hiện bước 6 - tiếp tục điều chỉnh bảng hỏi một lần nữa

trước khi đưa ra sử dụng rộng rãi. Kết quả nghiên cứu cuối cùng sẽ được trình bày trong một báo cáo khác.

Bước đầu thực hiện nghiên cứu thích nghi bảng hỏi ASQ-3 từ 6-36 tháng tuổi cho thấy, ASQ-3 là một công cụ thân thiện, dễ thực hiện mà phụ huynh và giáo viên có thể thực hiện được nhằm sàng lọc và đánh giá sự phát triển của trẻ em Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đặng Hoàng Minh và cộng sự (2011). *Phương pháp và quy trình thích nghi trắc nghiệm nước ngoài vào Việt Nam: Một số kinh nghiệm từ việc thích nghi các trắc nghiệm WISC-IV, WAIS, NEO-Pi-R, CPAI*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học học đường lần II: “Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành tâm lý học đường ở Việt Nam”, tr 421-429. NXB Đại học Sư phạm Huế.
- [2] Jane Squires - Elizabeth Twomly - Diane Bricker - Lawanda Potter (2009). *ASQ-3Á User's Guide*. Paul H. Brookes Publishing Co.
- [3] Jane Squires - Diane Bricker - Elizabeth Twomly (2003). *The ASQ:SE User's Guide (for the Ages & Stage Questionnaires®: Social-Emotional)*. Paul H. Brookes Publishing Co.

Bộ công cụ sàng lọc ASQ theo dõi...

(Tiếp theo trang 110)

- [6] Heo KH, Squires J, Yovanoff P: (2013). *Cross-cultural adaptation of a pre-school screening instrument: comparison of Korean and US populations*. J Intell Disabil Res 2013, 52(3): 195-206.
- [7] Janson, H. & Squires, J. (2004). *Parent-completed developmental screening in a Norwegian population sample: A comparison with US normative data*. Acta Pædiatrica, 93, 1525-1529.
- [8] Kucuker Sevgi, Kapci Emine Gul, Uslu Runa Idil (2011). *Evaluation of the turkish version of the “ages and stages questionnaires: social-emotional” in identifying children with social-emotional problems*. Infants and Young Children.
- [9] Lê Thị Minh Hà (2011). *ASQ - Bộ công cụ sàng lọc, phát hiện và can thiệp sớm trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, tr 218-226.
- [10] McKnight, Sara (2014). *Implementing the Ages and Stages questionnaire in health visiting practice*. Community Practitioner; Nov 2014; 87, 11.
- [11] Monica Juneja, Mugdha Mohanty, Rahul Jain

- (2012). *Ages and stages questionnaire as a screening tool for developmental delay in Indian children*. Indian Pediatrics.
- [12] Nickel, Robert E (2004). *Identification of children with autism spectrum disorders by the Ages and Stages Questionnaires*. Developmental Medicine and Child Neurology; pp 42.
- [13] Northern California Training Academy (2010). *Implementing Ages and Stages screening tools in Child Welfare Services: A tool kit*. University of California, Davis.
- [14] Roshanak Vameghi, Firoozeh Sajedi et al (2013). *Cross-Cultural Adaptation, Validation and Standardization of Ages and Stages Questionnaire (ASQ) in Iranian Children*. Iranian J Publ Health, Vol. 42, No.5, May 2013, pp.522-528.
- [15] Tsai HLA, McClelland MM, Pratt C, Squires J (2006). *Adaptation of the 36-Month Ages and Stages Questionnaire in Taiwan: results from a preliminary study*. J Early Interv 2006, 28(3):213-225.
- [16] Wei M, Bian X, Squires J, Yao G, Wang X, Xie H, Song W, Lu J, Zhu C, Yue H, Zhu G, Wang Q, Xu R, Wan C, Sun S, Chen J. (2013). *Studies of the norm and psychometrical properties of the ages and stages questionnaires, third edition, with a Chinese national sample*. Zhonghua Er Ke Za Zhi. 2015 Dec; 53(12):913-8. Chinese.